TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 4 – THANH HÓA**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 15/2025/DS-ST
Ngày: 25/8/2025
V/v: Tranh chấp hợp đồng vay tài sản

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 4 - THANH HÓA

***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có*:**

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Ngọc Vân

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Lê Bỉnh Quyền

Ông Bùi Khắc Dương

Thư ký phiên toà: Bà Lê Thu Hằng – Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 4 - Thanh Hóa.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 4 - Thanh Hóa tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Đỗ Diệu Linh – Kiểm sát viên.

Ngày 25 tháng 8 năm 2025, tại Toà án nhân dân khu vực 4 - Thanh Hóa (Cơ sở 2) xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý: 07/2025/TLST-DS ngày 03 tháng 3 năm 2025 về việc "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản" của Tòa án nhân dân huyện Hoằng Hóa, nay là Tòa án nhân dân khu vực 4 – Thanh Hóa theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 16/2025/QĐXXST-DS ngày 07/8/2025, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Lê Thị L, sinh năm 1969 (Có mặt)

Địa chỉ: Sn 12, đường số 1, phố S, xã H, tỉnh Thanh Hóa

Bị đơn: Bà Trịnh Thị Kh, sinh năm 1954 (Vắng mặt)

Địa chỉ: SN 40, đường S, xã H, tỉnh Thanh Hóa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 06/01/2025, lời khai và trình bày trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, phía nguyên đơn trình bày:

Do là người cùng khu phố nên ngày 14/02/2015 (âm lịch) bà Trịnh Thị Kh có hỏi vay bà Lê Thị L tiền để làm nhà, bà L đồng ý cho bà Kh vay số tiền 27.600.000đ, lãi xuất hai bên thỏa thuận miệng, khi nào bà L cần tiền sẽ báo trước cho bà Kh. Hai bên có viết giấy vay nợ, em gái bà Kh – bà Trịnh Thị Tơ là người viết giấy và bà L, bà Kh ký vào giấy. Từ đó đến nay, bà L hỏi nợ nhiều lần nhưng bà Kh không trả. Bà L khởi kiện yêu cầu Tòa án buộc bà Kh phải trả cho bà L toàn bộ nợ gốc là 27.600.000đ và tiền lãi tính từ ngày vay đến ngày 06/01/2025 là 26.979.000đ.

Tại phiên tòa, bà L sửa đổi, bổ sung và rút một phần yêu cầu khởi kiện, cụ thể: Rút yêu cầu tính lãi từ ngày vay (ngày 14/02/2015 âm lịch) đến ngày 06/1/2025; bổ sung yêu cầu tính lãi từ ngày nộp đơn khởi kiện (ngày 10/01/2025) đến khi xét xử sơ

thẩm, lãi xuất là 10%/năm; yêu cầu Tòa án tuyên khi bản án có hiệu lực pháp luật, bà L yêu cầu thi hành án mà bà Kh không trả hết nợ cho bà L thì bà Kh còn phải chịu lãi xuất theo quy định của pháp luật.

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã triệu tập bà Kh đến Tòa án làm việc nhiều lần, nhưng bà Kh cố tình vắng mặt. Tòa án đã nhiều lần làm việc trực tiếp tại nơi cư trú của bà Kh và tống đạt các văn bản tố tụng tới bà Kh, nhưng bà Kh không nhận văn bản. Tòa án đã đọc nội dung các văn bản cho bà Kh nghe và để lại văn bản tại bàn nhà bà Kh, lập biên bản về việc không giao được các văn bản tố tụng theo quy định. Quá trình làm việc với Tòa án bà Kh cho rằng bản thân không liên quan gì đến bà Lê Thị L, không vay nợ gì bà L. Tòa án cho bà Kh tiếp cận giấy vay tiền ghi ngày 14/02/2015 (âm lịch), bà Kh cho rằng mắt kém, không nhìn rõ và khẳng định chữ ký Trịnh Thị Kh tại vị trí người vay tiền không phải là chữ ký của bà Kh. Tòa án giải thích cho bà Kh về quyền yêu cầu giám định chữ ký nhưng bà Kh khẳng định bản thân không liên quan nên không yêu cầu giám định. Tòa án cũng giải thích và yêu cầu bà Kh cung cấp chứng cứ có chữ ký và chữ viết của bà Kh nhưng bà Kh từ chối không cung cấp cho Tòa án. Bà Kh chỉ trình bày miệng nhưng không viết bản tự khai, không đồng ý cho Tòa án ghi lời khai của mình cũng không ký vào biên bản làm việc của Tòa án.

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã triệu tập bà Trịnh Thị Tơ (em giá bà Trịnh Thị Kh) – là người viết giấy vay tiền nhưng bà Tơ không đến Tòa án làm việc, Tòa án đã đến tại nơi cư trú của bà Tơ nhưng bà Tơ vắng mặt tại nơi cư trú nên Tòa án không làm việc được với bà Trịnh Thị Tơ.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 4 – Thanh Hóa trình bày quan điểm:

Về tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý vụ án và tại phiên tòa hôm nay, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã tuân thủ đúng quy định của pháp luật về tố tụng dân sự, đảm bảo thời hạn chuẩn bị xét xử. Nguyên đơn đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ của mình nhưng bị đơn chưa thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng của mình theo quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

Về nội dung: Đề nghị Tòa án chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn: Buộc bị đơn – bà Trịnh Thị Kh phải trả cho bà Lê Thị L toàn bộ số tiền nợ gốc đã vay là 27.600.000đ và tiền lãi tính từ ngày bà L nộp đơn khởi kiện (ngày 10/01/2025) đến khi xét xử sơ thẩm, lãi xuất là 10%/năm. Khi án có hiệu lực pháp luật, nếu bà Kh không trả hết nợ cho bà L, bà L có đơn yêu cầu thi hành án, bà Kh còn phải chịu lãi theo quy định của pháp luật. Về án phí: Mặc dù bà Trịnh Thị Kh là người cao tuổi, nhưng không có đơn xin miễn án phí nên đề nghị buộc bà Kh phải chịu toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, các quy định của pháp luật, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

[1.1]. Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết: Bà Lê Thị L khởi kiện "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản" thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại khoản 3 Điều 26 Bộ luật tố tụng dân sự. Bị đơn là bà Trịnh Thị Kh, có địa chỉ tại xã H (thị trấn S, huyện Hoằng Hóa cũ), tỉnh Thanh Hóa nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Hoằng Hóa, nay là Tòa án nhân dân khu vực 4 - Thanh Hóa (kế thừa quyền và nghĩa vụ của Tòa án nhân dân huyện Hoằng Hóa) theo quy định tại khoản 1 Điều 35 và khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[1.2]. Về sự vắng mặt của bị đơn: Quá trình giải quyết vụ án, bị đơn từ chối không nhận các văn bản tố tụng nên Tòa án đã đọc cho bị đơn nghe các văn bản, để lại văn bản tại bàn gia đình bị đơn và lập biên bản làm việc về việc không giao được các văn bản tố tụng theo quy định. Tại phiên tòa ngày 18/8/2025, bị đơn vắng mặt, Tòa án đã hoãn phiên tòa và tống đạt ngay Quyết định hoãn phiên tòa tới bị đơn. Tại phiên tòa lần thứ hai, bị đơn vắng mặt không có lý do. Căn cứ Điều 227, Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án vẫn tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn là đúng theo quy định của pháp luật.

[2] Về Nội dung tranh chấp:

Nguyên đơn khởi kiện yêu cầu bị đơn trả số tiền nợ gốc đã vay là 27.600.000đ. Việc vay nợ giữa nguyên đơn và bị đơn được lập thành văn bản (giấy xác nhận nợ ghi ngày 14/02/2015 âm lịch). Theo nguyên đơn, người viết giấy là bà Trịnh Thị Tơ – em gái bị đơn, trên giấy có chữ ký của người vay tiền là Trịnh Thị Kh và người cho vay là Lê Thị L. Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã triệu tập bà Tơ nhưng bà Tơ không đến Tòa án làm việc, Tòa án đã về tại gia đình bà Tơ để làm việc nhưng bà Tơ vắng mặt tại nơi cư trú nên Tòa án không làm việc trực tiếp được với bà Tơ. Từ khi thụ lý, bị đơn đã được Tòa án tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng cố tình không nhận và không đến Tòa án làm việc. Trước Tòa án và cán bộ địa phương xã Hoằng Hóa, bị đơn không công nhận việc vay tiền của nguyên đơn nhưng không làm bản tự khai, từ chối việc Tòa án ghi lại lời khai. Tòa án đã lập biên bản làm việc với bị đơn có sự chứng kiến của chính quyền địa phương, thể hiện ý kiến của bị đơn nhưng bị đơn từ chối ký các văn bản giấy tờ của Tòa án. Quá trình giải quyết vụ án, bị đơn đã được giải thích về quyền yêu cầu giám định chữ ký nhưng bị đơn từ chối yêu cầu giám định chữ ký, không cung cấp bất cứ tài liệu, chứng cứ nào chứng minh chữ ký trong giấy vay nợ không phải là của bị đơn, không có văn bản thể hiện ý kiến phản bác lại yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, phản bác lại các tài liệu chứng cứ do nguyên đơn cung cấp. Từ đó đã có đủ căn cứ chứng minh nội dung vay nợ giữa

nguyên đơn và bị đơn vào ngày 14/02/2015 âm lịch là có thật. Việc bị đơn cố tình quanh co, từ chối không làm việc, không trình bày lời khai hay ký biên bản làm việc với Tòa án là nhằm mục đích trốn tránh trách nhiệm trả nợ với nguyên đơn. Vì vậy, nguyên đơn khởi kiện tranh chấp hợp đồng vay tài sản là có cơ sở.

Tại đơn khởi kiện, nguyên đơn yêu cầu Tòa án buộc bị đơn phải trả lãi tính từ ngày vay (ngày 14/01/2015 âm lịch) đến ngày 06/01/2025 là 26.979.000đ. Tại phiên tòa, nguyên đơn đã rút yêu cầu về lãi kể từ ngày vay (ngày 14/01/2015 âm lịch) nên đình chỉ đối với yêu cầu tính lãi này của nguyên đơn.

Cũng tại phiên tòa, nguyên đơn bổ sung yêu cầu khởi kiện về việc tính lãi kể từ ngày nộp đơn khởi kiện (ngày 10/01/2025) đến khi xét xử sơ thẩm, lãi xuất là 10%/năm. Xét thấy giấy xác nhận nợ ghi ngày 14/02/2015 âm lịch không ghi thời hạn trả nợ, không thể hiện lãi xuất nên khoản vay giữa nguyên đơn và bị đơn là vay không kỳ hạn và không lãi xuất. Do nguyên đơn yêu cầu bị đơn trả nợ nhưng bị đơn không trả nên ngày 10/01/2025, nguyên đơn nộp đơn khởi kiện đối với bị đơn tại Tòa án. Kể từ thời điểm nguyên đơn khởi kiện, bị đơn đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ cho nguyên đơn nên phải chịu lãi xuất đối với thời gian chậm trả nên yêu cầu tính lãi của nguyên đơn tính từ ngày khởi kiện đến khi xét xử sơ thẩm với lãi xuất 10%/năm là hoàn toàn phù hợp với quy định tại khoản 4 Điều 466 và khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự nên cần chấp nhận. Thời gian bị đơn phải chịu lãi xuất tính từ ngày 10/01/2025 đến ngày xét xử: ngày 25/8/2025 là 07 tháng 15 ngày = 27.600.000đ x 10%/12 tháng x 7 tháng + 27.600.000đ x 10%/12 tháng/30 ngày x 15 ngày = 1.725.000đ.

Ngoài ra, từ khi án có hiệu lực pháp luật, nếu nguyên đơn có đơn yêu cầu thi hành án mà bị đơn chậm trả nợ cho nguyên đơn thì bị đơn còn phải chịu lãi xuất trên số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả, lãi xuất được tính theo quy định tại Điều 357 và Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

[3] Về án phí: Bị đơn mặc dù là người cao tuổi nhưng không có đơn xin miễn án phí dân sự sơ thẩm nên vẫn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định. Trả lại cho nguyên đơn số tiền tạm ứng án phí đã nộp.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 26, khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39, khoản 3 Điều 144, Điều 147, 227,228, 235, 266, Điều 271 và khoản 1 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 357, Điều 463 Điều 466, Điều 468, 469, Điều 688 Bộ luật dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc bị đơn – bà Trịnh Thị Kh phải trả cho bà Lê Thị L số tiền nợ gốc đã vay là 27.600.000đ và số tiền lãi tính từ ngày 10/01/2025 đến ngày 25/8/2025 là 1.725.000đ. Tổng số tiền nợ gốc và lãi bà Kh phải trả cho bà L là 29.325.000đ *(Hai chín triệu ba trăm hai mươi lăm nghìn đồng).*

Từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật bà L có đơn yêu cầu thi hành án, nếu chưa thi hành án, hàng tháng bà Kh còn phải chịu thêm khoản tiền lãi theo quy định tại Điều 357 và Điều 468 BLDS năm 2015 trên số tiền phải thi hành án, tương ứng với thời gian chưa thi hành án.

- Đình chỉ đối với yêu cầu khởi kiện của bà Lê Thị L về việc yêu cầu bà Kh phải trả lãi tính từ thời điểm vay (ngày 14/02/2015 âm lịch) đến ngày 06/01/2025 là 26.979.000đ *(Hai sáu triệu chín trăm bảy mươi chín nghìn đồng)*.

Về án phí: Bị đơn – bà Trịnh Thị Kh phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 1.466.000đ *(Một triệu bốn trăm sáu mươi sáu nghìn đồng)*; Trả lại cho bà Lê Thị L số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 1.364.000đ *(Một triệu ba trăm sáu mươi tư nghìn đồng)* theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0000312 ngày 24/02/2025 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Hoằng Hóa, nay là Phòng Thi hành án dân sự khu vực 4 – Thanh Hóa.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án có quyền thỏa thuận thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; bị đơn có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết công khai.

Nơi nhận:
- *TAND tỉnh Thanh Hóa;*
- *VKSND khu vực 4 – Thanh Hóa;*
- *THADS tỉnh Thanh Hóa;*
- *Các đương sự.*
- *Lưu hồ sơ vụ án.*

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

Lê Thị Ngọc Vân